

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/ST - HN&GD

Ngày: 17 - 4 - 2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH B

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh B tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh B. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST - HN&GD ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGD ngày 13/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/ ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Bùi Thị C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh B.

* Bị đơn: anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn 4 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và qua trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị C bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B tháng 11 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh B thôn 4 V, xã T, huyện N, khoảng 02 năm, sau

đó đến năm 2016, vợ chồng chuyển đến nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn C, xã V, huyện N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường cờ bạc, lơ đãng, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, mâu thuẫn kéo dài, không thể khắc phục. Đến tháng 11 năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh B bỏ đi làm ăn, vợ chồng cũng chính thức ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con chung: chị và anh B có 01 con chung là: Nguyễn Hồng Q sinh ngày 17/8/2015, hiện nay con chung đang ở với chị. Nếu giải quyết ly hôn chị và anh B đã thỏa thuận, chị được trực tiếp nuôi con chung và anh B không phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ nộp án phí: chị nhận chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn B:

Về yêu cầu ly hôn: Anh xác định về quan hệ hôn nhân đúng như chị C trình bày, anh và chị C kết hôn với nhau tháng 11 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn 4 V, xã T, khoảng 02 năm, sau đó khoảng năm 2016 vợ chồng chuyển đến nhà bố mẹ vợ ở thôn C, xã V sinh sống. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng, về thời gian vợ chồng ly thân là từ tháng 11 năm 2021, cho đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị C khởi kiện xin ly hôn anh, anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể khắc phục. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng cuộc sống và nuôi dạy con chung. Nếu Tòa án hòa giải nhiều lần mà chị C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về việc nuôi con chung: Anh xác định chị C trình bày là đúng. Hiện nay con chung của anh chị đang ở với chị C. Nếu giải quyết ly hôn anh và chị C đã thỏa thuận, chị C tiếp tục nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh không phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị C.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Đề nghị xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn B.
2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 17/8/2015, cho chị Bùi Thị C tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn B không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.
3. Về án phí: chị C nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn hiện đang cư trú tại thôn 4 Vân Trung, xã T, huyện N, tỉnh Ninh B, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị Bùi Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 238 bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn B tự do tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B thường cờ bạc, lơ đãng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến tháng 11 năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh B bỏ đi làm ăn, vợ chồng chính thức ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng một phần là do anh, nhưng anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng cuộc sống và nuôi dạy con chung, nhưng thực tế anh không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng hôn nhân giữa anh và chị C. Điều này chứng tỏ rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Thị C, anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 17/8/2015, hiện cháu đang ở cùng chị C. Chị C, anh B thỏa thuận giao con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C. Xét việc thỏa thuận giữa chị C và anh B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: chị Bùi Thị C nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016
Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị C và anh Nguyễn Văn B. Chị Bùi Thị C tiếp tục, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hồng Q sinh ngày 17/8/2015, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Anh Nguyễn Văn B không phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Anh Nguyễn Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết chị C, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Bùi Thị C phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0003767 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Bùi Thị C, anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh B;
- VKSND huyện NQ;
- UBND xã T;
- THADS huyện NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Vũ Quang Chung.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Chung

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện NQ;*
- *THADS huyện NQ;*
- *UBND xã Quỳnh Lưu;*
- *Đương sự;*
- *Lưu./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**